

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2024**

**Phần I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023**

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số:

a) Kết quả đạt được:

Trên cơ sở Quyết định số 1080/QĐ-BTTTT ngày 21/6/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023, UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Kế hoạch số 569/KH-UBND ngày 22/8/2023 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2023.

Theo đó, thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức đồng loạt các hoạt động thông tin, tuyên truyền về Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn trên các phương tiện thông tin đại chúng; trên các trang/cổng TTĐT; mạng xã hội; các buổi sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm. Đồng thời, tổ chức căng treo băng rôn, khẩu hiệu tại trụ sở các cơ quan, đơn vị, địa phương từ ngày 15/9/2023 đến hết ngày 30/10/2023.

Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thành công Hội nghị tuyên truyền, hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến tại 03 cấp (tỉnh/huyện/xã) với tổng số đại biểu tham gia trên 3.800 người và Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu về chuyển đổi số” năm 2023 đã thu hút 21.217 người tham gia dự thi.

Tỉnh đoàn Bắc Kạn đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn; các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh tổ chức Ngày hội phổ biến, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng sản phẩm dịch vụ số.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Tại một số ít đơn vị, địa phương việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số của tỉnh còn mang tính hình thức, chưa có sự chủ động trong phối hợp công tác; hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng chưa phát huy được hiệu quả như mong muốn.

- Mặc dù tỉnh đã có văn bản đề nghị các đơn vị, doanh nghiệp viễn thông - CNTT trên địa bàn tỉnh tổ chức các gian trưng bày, giới thiệu sản phẩm, giải pháp công nghệ về chuyển đổi số, đồng thời triển khai các chương trình khuyến mại, khuyến khích người tiêu dùng sử dụng sản phẩm, dịch vụ số do doanh nghiệp bưu chính - viễn thông cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật song số lượng các doanh nghiệp hưởng ứng, tổ chức các hoạt động nêu trên chưa nhiều.

- Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu về chuyển đổi số” năm 2023 diễn ra trong thời gian khá gấp rút nên chưa thu hút được nhiều người dân tham gia.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số:

a) Kết quả đạt được:

- Nhằm giúp người dân trưởng thành nói chung và các hộ gia đình nói riêng đang sinh sống tại 8 xã/phường thực hiện thí điểm chuyển đổi số có cơ hội tìm hiểu, tiếp cận với các ứng dụng về thông tin và khoa học công nghệ, các dịch vụ công trực tuyến, qua đó góp phần nâng cao trình độ hiểu biết, kịp thời cập nhật các thông tin tuyên truyền, thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, định danh điện tử... từng bước hình thành “xã hội số”, “công dân số”; nâng cao tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh và tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh trên địa bàn tỉnh, từ đó thực hiện thành công Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia (Đề án 06) tại địa phương, UBND tỉnh Bắc Kạn đã tổ chức phát động Chương trình phổ cập điện thoại thông minh cho người dân trưởng thành tại 08 xã/phường thực hiện thí điểm chuyển đổi số năm 2023, thông qua Chương trình tỉnh Bắc Kạn đã tiếp nhận 186 chiếc điện thoại thông minh và hơn 400 triệu đồng tiền ủng hộ từ các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

- UBND tỉnh đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số trong Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc năm 2023. Theo đó, với sự tham gia của Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các cơ quan chuyên môn của tỉnh, UBND các huyện/thành phố và các đơn vị doanh nghiệp viễn thông - CNTT đã thực hiện công tác tuyên truyền, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác cài đặt, trải nghiệm và sử dụng: VneID; VSSID; hồ sơ sức khỏe điện tử; chuẩn hóa thông tin thuê bao di động; ứng dụng thanh toán điện tử, chữ ký số công cộng... tại Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc năm 2023 trên địa bàn toàn tỉnh. Qua đó có hơn 82.000 lượt người dân được tuyên truyền về chuyển đổi số.

- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng chuyên mục tuyên truyền về Chuyển đổi số phát trên hệ thống thông tin nguồn và truyền thanh cơ sở với tần suất 1 số/tuần đã bước đầu mang lại hiệu quả nhất định.

b) Tồn tại, hạn chế: Tỉnh chưa có nhiều bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số để chia sẻ.

1.3. Truyền thông về chuyển đổi số:

a) Kết quả đạt được:

Xác định được vai trò và tầm quan trọng của hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp trong quá trình triển khai các hoạt động chuyển đổi số, góp phần phát triển các trụ cột về chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, trong năm 2023, UBND tỉnh Bắc Kạn đã tập trung chỉ đạo các đơn vị, địa phương, nhất là Sở Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan báo chí của tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các lợi ích mà chuyển đổi số đem lại trên các phương tiện thông tin đại chúng thông qua các chủ đề, nội dung cụ thể.

Theo đó, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn, Báo Bắc Kạn điện tử và Trang/cổng thông tin điện tử của các sở ngành, địa phương đã thực hiện việc xây dựng các chuyên mục, đăng tải các tin, bài viết, phóng sự cập nhật, phản ánh kịp thời về quá trình triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại tỉnh, đơn vị, địa phương¹.

Toàn bộ thông tin về quy trình thủ tục hành chính, các dịch vụ công trực tuyến đã được tỉnh cập nhật và đăng tải công khai trên Cổng dịch vụ công Bắc Kạn (<https://dichvucong.backan.gov.vn/>) qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tìm hiểu và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

Để tăng cường hơn nữa hiệu quả tuyên truyền, UBND tỉnh Bắc Kạn đã giao các cơ quan chuyên môn, các đơn vị có liên quan cùng UBND các huyện/thành phố và các đơn vị doanh nghiệp viễn thông - công nghệ thông tin hoạt động trên địa bàn tỉnh phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác cài đặt, trải nghiệm và sử dụng: VneID; VSSID; hồ sơ sức khỏe điện tử; chuẩn hóa thông tin thuê bao di động; ứng dụng thanh toán điện tử, chữ ký số công cộng,... tại Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc năm 2023 của các xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn duy trì chuyên mục “Chuyển đổi số - Cơ hội và thách thức”, phát sóng vào thứ 6 hằng tuần, thời lượng 10 phút/số; thực hiện chuyên mục “Chuyển đổi số” trên sóng phát thanh với thời lượng 15 phút/chương trình; tăng cường đưa tin bài trong chương trình Thời sự phát hằng ngày (trên cả 2 hệ thống: Phát thanh, truyền hình với 04 thứ tiếng: Việt, Tày-Nùng, Mông, Dao). Theo thống kê, trong năm 2023, Đài đã đăng tải trên 800 tin, bài tuyên truyền về hoạt động chuyển đổi số.

¹ Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn duy trì chuyên mục “Chuyển đổi số - Cơ hội và thách thức”, phát sóng vào thứ 6 hằng tuần, thời lượng 10 phút/số và chuyên mục “Chuyển đổi số” trên sóng phát thanh với thời lượng 15 phút/chương trình; Báo Bắc Kạn đã thực hiện việc đăng tải gần 200 tin bài tuyên truyền, phản ánh về hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh đã đăng tải trên 60 tin, bài viết về chuyển đổi số tại chuyên mục của Cổng; các trang/cổng TTĐT của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố đã duy trì lượng tin bài tuyên truyền về hoạt động chuyển đổi số với tần suất trung bình 01-03 tin, bài/tháng.

Báo Bắc Kạn có chuyên mục riêng về chuyển đổi số, đăng tải 108 nội dung trên báo in, 75 nội dung trên báo điện tử liên quan tới chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thực hiện phát sóng trực tiếp các sự kiện liên quan tại fanpage của Báo Bắc Kạn trên mạng xã hội facebook.

Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn xây dựng chuyên mục riêng về chuyển đổi số tại địa chỉ <https://backan.gov.vn/Pages/chuyen-doi-so-tinh-bac-kan-776.aspx> với 60 tin, bài viết được đăng tải.

Trong năm 2023, Chuyên trang về chuyển đổi số của tỉnh Bắc Kạn tại địa chỉ <https://chuyendoiso.backan.gov.vn/> đã thực hiện việc tuyên truyền (được 400 tin) dưới nhiều hình thức đa dạng (*tin, bài, ảnh, văn bản, video, chương trình truyền thanh, infographic...*) với tần suất 08 tin, bài/ tuần. Đồng thời, duy trì tốt hoạt động của trang “Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn” trên ứng dụng Zalo với khoảng 50 tin bài. Fanpage Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn trên facebook cập nhật thông tin hằng ngày với lượng thông tin khoảng 300 tin, bài/năm, tần suất 6 tin bài/tuần.

Tại Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh Bắc Kạn, Sở Thông tin và Truyền thông đã xây dựng chuyên mục riêng về chuyển đổi số và thực hiện việc được đăng phát vào khung giờ cố định trên hệ thống truyền thanh cơ sở tới 100% thôn/bản trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, trong năm 2023, đơn vị cũng đã chủ động xây dựng, biên tập và phát sóng 09 chuyên mục Chuyển đổi số, mỗi chuyên mục có thời lượng 10 phút, với tổng số 20 tin, bài và 08 mục hỏi - đáp trên chuyên mục, đồng thời, các huyện, thành phố, các xã/phường/thị trấn đã chủ động xây dựng nội dung và phát tin/bài trên chuyên mục chuyển đổi số qua hệ thống truyền thanh cơ sở. Tần suất trung bình 01 tin, bài/tuần. Đồng thời, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thanh và chương trình truyền hình nâng cao nhận thức về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn, bao gồm 21 tiểu phẩm truyền thanh bằng cả 3 thứ tiếng Kinh, Mông, Dao, 03 chương trình truyền hình, 01 video clip để nâng cao hiệu quả tuyên truyền với đồng bào dân tộc trên địa bàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế: Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho nhóm đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa tại một số huyện còn hạn chế. Hiện nay, tỉnh Bắc Kạn vẫn còn 37 thôn “trắng sóng”; nhiều người dân chưa có điện thoại thông minh để tiếp cận thông tin về chuyển đổi số.

2. Thể chế số

2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch của cấp chính quyền về chuyển đổi số:

a) Kết quả đạt được:

Trên cơ sở định hướng chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành Trung ương và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bắc Kạn đã trình:

- Ban cán sự đảng UBND tỉnh ban hành Báo cáo số 79-BC/BCSD ngày 17/02/2023 về hiện trạng hoạt động chuyển đổi số và danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên chuyển đổi số của tỉnh năm 2023, Báo cáo số 708-BC/BCSD ngày 23/11/2023

về tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số năm 2023 và dự kiến đề xuất danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số năm 2024.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 28/4/2023 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

- HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 về phân bổ, giao dự toán kinh phí sự nghiệp triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh năm 2023.

- HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh như:

- Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 về việc ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị thuộc/trực thuộc UBND tỉnh phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 về việc ban hành Danh mục dữ liệu mở tỉnh Bắc Kạn.

- Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 25/4/2023 về triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 25/4/2023 về Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2023.

- Kế hoạch số 369/KH-UBND ngày 14/6/2023 về thí điểm triển khai thực hiện chuyển đổi số tại 08 xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023.

- Kế hoạch số 371/KH-UBND ngày 15/6/2023 thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 28/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

- Kế hoạch số 407/KH-UBND ngày 27/6/2023 về thực hiện Chiến dịch cao điểm 100 ngày đêm "Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn".

- Kế hoạch số 410/KH-UBND ngày 28/6/2023 về thực hiện mô hình triển khai dịch vụ công trực tuyến năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Kế hoạch số 506/KH-UBND ngày 28/7/2023 về triển khai Chương trình hỗ trợ phổ cập điện thoại thông minh cho người dân trưởng thành tại 8 xã/phường thực hiện thí điểm chuyển đổi số năm 2023.

- Kế hoạch số 563/KH-UBND ngày 21/8/2023 về nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Bắc Kạn năm 2023.

- Kế hoạch số 660/KH-UBND ngày 02/10/2023 về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 - 2025.

- Kế hoạch số 693/KH-UBND ngày 16/10/2023 về triển khai thực hiện mô hình của Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Kế hoạch số 705/KH-UBND ngày 20/10/2023 về triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 09/08/2023 về việc bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn.

- Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 31/08/2023 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được cắt giảm thời gian giải quyết khi thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn đã ban hành: Kế hoạch số 330/KH-BCĐ ngày 24/5/2023 về hoạt động của Ban Chỉ đạo năm 2023; Kế hoạch số 338/KH-BCĐ ngày 25/5/2023 về kiểm tra hoạt động chuyển đổi số tại các đơn vị, địa phương năm 2023; Quyết định số 675/QĐ-BCĐ ngày 17/4/2023 về việc kiện toàn lại Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo.

Trong năm 2023, trên cơ sở đề nghị của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel và Công ty Cổ phần FPT, UBND tỉnh Bắc Kạn đã tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác về chuyển đổi số với 02 doanh nghiệp nêu trên, đồng thời chỉ đạo Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh kiện toàn lại Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo và tổ chức các phiên họp định kỳ theo quy định để tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, định hướng các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế: Do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Kạn còn gặp nhiều khó khăn, theo đó việc bố trí kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số còn hạn hẹp tuy nhiên tỉnh đã cố gắng cân đối tỷ lệ chi từ ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số năm 2023 là 1,3% so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn:

a) Kết quả đạt được:

Trên cơ sở Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số năm 2023, Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn (*sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo*) đã ban hành Kế hoạch số 330/KH-BCĐ ngày 24/5/2023 về hoạt động của Ban Chỉ đạo năm 2023 và Kế hoạch số 338/KH-BCĐ ngày 26/5/2023 về kiểm tra công tác chuyển đổi số tại các đơn vị, địa phương (*cụ thể: Thành lập 03 đoàn kiểm tra và tổ chức kiểm tra tại 6 sở ngành tỉnh, 3 huyện/thành phố và 6 xã/phường/thị trấn*) để chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. Qua kiểm tra cho thấy, nhận thức về chuyển đổi số của các đơn vị, địa phương được kiểm tra đã tăng lên rõ rệt; hoạt động chuyển đổi số được quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện. Tuy nhiên, hạ tầng phục vụ hoạt động chuyển đổi số của cấp xã chưa thật sự được đảm bảo, cụ thể: Tốc độ đường truyền thấp, nhiều máy tính cũ, lạc hậu chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động....

Trong năm 2023, Ban Chỉ đạo đã tổ chức các cuộc họp² để rà soát tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo kế hoạch giao, từ đó kịp thời tháo gỡ, giải quyết một số tồn tại, hạn chế và vướng mắc trong quá trình thực hiện của các đơn vị, địa phương, đồng thời nghiên cứu, đề xuất danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số năm 2024; tổ chức 01 Đoàn công tác trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác chuyển đổi số tại các tỉnh/thành phố: Bình Định, Huế, Đà Nẵng do đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo làm Trưởng đoàn, qua đó, đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm hay, thiết thực cho tỉnh trong công tác chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế: Do thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm nên một số thành viên Ban Chỉ đạo chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm trong quá trình tham gia cũng như đề xuất hoạt động của Ban Chỉ đạo; chưa sâu sát trong chỉ đạo ngành, lĩnh vực phụ trách triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số được giao dẫn đến tiến độ thực hiện còn chậm, chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

Mạng lưới viễn thông của tỉnh đã kết nối thông suốt 3 cấp, đảm bảo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đáp ứng cơ bản nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số của người dân, doanh nghiệp. Cụ thể: 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng di động 2G/3G/4G; quang hóa 100% hạ tầng đường truyền tới các cơ quan, đơn vị, địa phương; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng và được chuẩn hóa kết nối giám sát 4 cấp hành chính.

² Trong năm 2023, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban Chỉ đạo đã chủ trì 04 phiên họp thường kỳ, 4 phiên họp hàng tháng của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh.

Số thuê bao điện thoại đạt 353.886 thuê bao (*trong đó: Thuê bao điện thoại cố định đạt 5.716, thuê bao điện thoại di động đạt 348.170*); số thuê bao điện thoại smartphone đạt 283.041, đạt tỷ lệ 87% dân số; mật độ điện thoại đạt 90,5 máy/100 dân; số thuê bao internet đạt 294.256 thuê bao, đạt tỷ lệ 91% dân số; tỷ lệ người dùng internet là 91%.

Toàn tỉnh Bắc Kạn hiện có 7.285 km cáp quang, 882 trạm BTS, 01 trạm điều khiển thông tin di động BS (*tăng so với năm 2022 là 69.751 thuê bao điện thoại, 90.462 thuê bao smartphone, 70.191 thuê bao Internet, 1.020 km cáp quang, 210 trạm BTS*).

Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Kạn triển khai theo hướng công nghệ điện toán đám mây, đáp ứng các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 1145/BTTTT-CATTT ngày 03/4/2020 như: VLAN, ảo hóa, đám mây, cân bằng tải các kết nối internet... Hệ thống máy chủ ảo hóa của Trung tâm dữ liệu gồm 05 máy chủ vật lý cung cấp tài nguyên cho 148 máy chủ ảo hóa chạy song hành được quản lý tập trung, đang đáp ứng tốt cho hoạt động của các hệ thống dịch vụ và có thể tạo thêm các máy chủ ảo hóa để triển khai các hệ thống dịch vụ. Năm 2023, Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh tiếp tục được nâng cấp, mở rộng hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ. Hiện nay, Trung tâm đã đáp ứng yêu cầu sử dụng của các hệ thống dịch vụ và ứng dụng của tỉnh như: Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; phần mềm Một cửa điện tử, Một cửa điện tử liên thông và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ cao; hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng thông tin điện tử tỉnh; phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động; phần mềm quản lý hồ sơ lưu trữ điện tử; phần mềm công báo tỉnh... Bên cạnh đó, trong năm 2023, đã có thêm 09 Hệ thống thông tin của các sở ngành (*Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Dân tộc, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo*) được cài đặt, vận hành tại trung tâm dữ liệu, nâng số lượng hệ thống đang cài đặt, vận hành tại Trung tâm lên 27 hệ thống.

Hiện nay, Tỉnh đã hoàn thành việc hợp nhất Cổng dịch vụ công trực tuyến và Một cửa điện tử thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư và duy trì, hoàn thiện, thúc đẩy việc kết nối hệ thống đến hệ thống thông tin, CSDL các bộ, ngành Trung ương, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, địa phương trong thực hiện giải quyết TTHC. Đồng thời bố trí kinh phí trang bị máy tính, máy scan cho 100% bộ phận một cửa tại các xã, phường, thị trấn. Các đơn vị, địa phương cũng chủ động đầu tư, mua sắm trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động của đơn vị.

Tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động của Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến từ cấp tỉnh đến 108/108 xã, phường, thị trấn trên địa bàn với 118 điểm cầu. Trong năm, Tỉnh Bắc Kạn tiếp tục đầu tư mở rộng thêm 01 điểm cầu tại Hội trường

tỉnh và thực hiện việc đầu tư mua sắm thiết bị MCU để chủ động trong công tác tổ chức, quản lý các cuộc họp và đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát bảo mật theo đề nghị của Ban Cơ yếu Chính phủ. Theo thống kê số liệu từ đầu năm đến nay, hệ thống đã phục vụ 85 cuộc họp trực tuyến của tỉnh (*bao gồm các cuộc họp được kết nối từ điểm cầu Trung ương đến tỉnh, huyện và cấp xã*).

b) Tồn tại, hạn chế: Do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn khó khăn theo đó việc bố trí kinh phí dành cho đầu tư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin còn hạn chế, quy mô triển khai còn nhỏ lẻ.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

Tỉnh Bắc Kạn đã xây dựng và đang khai thác sử dụng 13 CSDL³, đồng thời đang triển khai xây dựng 12 CSDL của các ngành⁴ và dự kiến hoàn thành 05 CSDL⁵. Qua thống kê rà soát, hiện nay các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đang khai thác sử dụng 95 hệ thống thông tin, phần mềm, CSDL khác nhau để phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành, giải quyết TTHC, hỗ trợ nghiệp vụ... Trong đó, có 45 hệ thống thông tin, phần mềm, CSDL do các Bộ, ngành Trung ương triển khai, 40 hệ thống do tỉnh đầu tư triển khai và 10 hệ thống đang được các đơn vị dùng thử.

Hiện nay, hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh Bắc Kạn đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư, đồng thời Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành công văn hướng dẫn cán bộ một cửa các cấp thực hiện tra cứu, khai thác thông tin công dân trực tuyến trên CSDL quốc gia về dân cư.

Trong năm 2023, tỉnh Bắc Kạn đang triển khai các nhiệm vụ: Thuê mạng diện rộng của tỉnh trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện/thành phố và UBND các xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh; xây dựng hệ thống thông tin tiền lương các cơ quan, đơn vị dự toán ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Công Thương; xây dựng nền tảng tòa soạn số tại Báo Bắc Kạn; xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 1; xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Y tế và hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu công bố thông tin quy hoạch tỉnh Bắc Kạn....

b) Tồn tại, hạn chế:

Các dữ liệu chuyên ngành hiện có của tỉnh đang được các đơn vị sử dụng còn rải rác, phân tán, chưa được chuẩn hóa và tập hợp thành dữ liệu chung, chủ yếu phục vụ cho hoạt động quản lý của chính ngành chủ quản; các dữ liệu chưa được tích hợp, liên thông, chia sẻ với Cổng dịch vụ công trực tuyến và chưa được chia

³ CSDL về giá, tài liệu, CBCCVCNLD, đất đai, môi trường, ngành giáo dục, giấy phép lái xe, tài nguyên môi trường, hồ sơ sức khỏe điện tử, công chứng, quy hoạch, xây dựng, tiền lương.

⁴ CSDL kinh tế - xã hội, dân tộc, bệnh án điện tử, CSDL ngành y tế, ngành công thương, giáo dục đào tạo nghề, hồ sơ giải quyết TTHC, khoa học và công nghệ, Kho dữ liệu dùng chung, CSDL đất đai tại huyện Bạch Thông và Chợ Mới, CSDL ngành lao động, thương binh và xã hội giai đoạn 1, CSDL phát triển du lịch.

⁵ CSDL dân tộc, ngành công thương, giáo dục đào tạo nghề, hồ sơ giải quyết TTHC, khoa học và công nghệ.

sẽ để các ngành, địa phương, người dân và doanh nghiệp cùng khai thác, sử dụng. Dữ liệu tại các ngành chủ yếu là dạng văn bản chưa được số hóa, dữ liệu chưa đầy đủ. Hiện nay, tỉnh Bắc Kạn vẫn đang trong quá trình xây dựng Cổng dữ liệu mở của tỉnh, kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

5. Nền tảng số

a) Kết quả đạt được:

Tỉnh Bắc Kạn đang tiếp tục duy trì sử dụng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) do Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ từ năm 2019. Tỉnh đã kết nối thành công và đưa vào sử dụng 14 dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã kết nối thành công đến 12 hệ thống thông tin, 7 cơ sở dữ liệu quốc gia và của các Bộ ngành triển khai trên NDXP phục vụ cho giải quyết thủ tục hành chính (*đồng thời, đang thực hiện kết nối kỹ thuật đến 07 hệ thống khác⁶*).

Trong năm 2023, tỉnh tiếp tục chỉ đạo, triển khai các hệ thống thông tin/phần mềm/nền tảng phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền số như: Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn; hệ thống quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh; hệ thống mạng diện rộng (WAN) của tỉnh; Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC)...

b) Tồn tại, hạn chế: Hiện nay các Bộ ngành Trung ương chưa ban hành quy định, hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng các nền tảng số đối với từng lĩnh vực, cụ thể là quy mô, phạm vi, kiến trúc, mô hình tổng thể, yêu cầu về tính năng, kỹ thuật... nên tỉnh chưa có cơ sở pháp lý cụ thể chỉ đạo, định hướng các sở ngành trong việc xây dựng các nền tảng số để đảm bảo không đầu tư chồng chéo, gây lãng phí ngân sách. Triển khai các nền tảng số trong chuyển đổi số là cách tiếp cận mới, khác với việc triển khai từng phần mềm riêng lẻ trước đây nên nhiều sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh còn lúng túng trong triển khai. Cùng với đó, các hệ thống được triển khai từ trước cũng là các hệ thống tương đối độc lập cho từng lĩnh vực, chưa thực hiện được việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu nên dữ liệu chưa tập trung, chưa được đối soát, chưa thuận lợi cho công tác nắm bắt thông tin, dữ liệu tổng hợp toàn ngành để đưa ra các quyết định, chỉ đạo.

6. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã thành lập 108 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã với 1.014 thành viên tham gia; 1.292 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn với 5.689 thành viên tham gia. Trong năm 2023, 100% thành viên Tổ công

⁶ Gồm: Dịch vụ công thiết yếu của ngành TNMT phục vụ Đề án 06 (Bộ Tài nguyên và Môi trường); CSDL quốc gia về bảo hiểm (BHXH Việt Nam); Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); CSDL đất đai quốc gia (Bộ Tài nguyên và Môi trường); CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); Liên thông TNMT-Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường).

nghệ số cộng đồng được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về nhận thức, kỹ năng chuyển đổi số. Nhiều tổ công nghệ số cộng đồng đã tham gia tích cực các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn tại Ngày hội chuyển đổi số, thi điểm chuyển đổi số tại 8 xã, phường, các hoạt động tuyên truyền chuyển đổi số tại Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc.

Để phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số, năm 2023 UBND tỉnh Bắc Kạn đã chỉ đạo Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức 09 lớp tập huấn nghiệp vụ công tác kiểm soát thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và sử dụng hệ thống thông tin một cửa điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính cho cán bộ, công chức liên quan trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Tỉnh đoàn Bắc Kạn tổ chức 08 lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho Đoàn viên thanh niên tại 08 huyện, thành phố thu hút gần 800 người tham gia, đồng thời tổ chức tập huấn, hướng dẫn ứng dụng chuyển đổi số cho đối tượng là các chủ thể OCOP, nhân viên các điểm bưu điện - văn hóa xã, thu hút trên 400 lượt người tham dự.

Ngoài ra, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố đã chủ động tổ chức các hoạt động bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương, điển hình như:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Trung tâm chuyển đổi số và thống kê nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức tập huấn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến công chức, viên chức thuộc đơn vị; công chức, viên chức phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố và một số chủ thể HTX trên địa bàn; phối hợp với Trung tâm Địa tin học - Đại học Nông lâm Thái Nguyên triển khai tập huấn, sử dụng Hệ thống thông tin ngành nông nghiệp; tổ chức 01 lớp tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin (*thiết bị bay không người lái*) trong công tác quản lý bảo vệ rừng và PCCCR; 01 lớp tập huấn vận hành hệ thống đo mưa tự động cho các đối tượng là công chức, viên chức thuộc Văn phòng Phòng chống thiên tai cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã...

- Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các giải pháp tuyên truyền, tập huấn như: Hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng Dịch vụ công trực tuyến qua phần mềm hệ thống Zoom; tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu công tác CCHC trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường năm 2023” cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị; tổ chức các lớp hướng dẫn việc quản lý, vận hành CSDL đất đai tại huyện Ba Bể và Pác Nặm; tổ chức 02 lớp tập huấn, hướng dẫn thực hiện quy trình 02 DVCTT trên hệ thống thông tin của Bộ Tài nguyên và Môi trường và hướng dẫn thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trên Cổng DVCQG.

- Các sở ngành khác, các huyện/thành phố chủ động triển khai nhiều hoạt động tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động, thành viên tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thôn/bản.

b) Tồn tại, hạn chế: Hiệu quả tập huấn chưa cao do mức độ quan tâm và nhận thức của doanh nghiệp và người dân đối với chuyển đổi số còn khá mới; phần lớn cán bộ làm công tác tham mưu về CNTT, chuyển đổi số tại các cơ quan chỉ thực hiện nhiệm vụ phụ trách, kiêm nhiệm nên việc tham mưu triển khai xây dựng chính quyền số còn chưa kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; một số xã vùng sâu vùng xa, hệ thống hạ tầng phục vụ chuyển đổi số chưa đảm bảo; tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh còn hạn chế...

7. An toàn thông tin mạng (ATTT)

a) Kết quả đạt được:

UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác bảo đảm ATTT mạng, an ninh thông tin cho thiết bị camera giám sát và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về ATTT mạng trong năm 2023 theo định hướng của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đến nay, toàn tỉnh đã có 26 hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị và của tỉnh đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt (*trong đó cấp độ 1 là 05 hệ thống; cấp độ 2 là 17 hệ thống; cấp độ 3 là 04 hệ thống*).

Thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các hoạt động/nhiệm vụ liên quan đến bảo đảm ATTT mạng như: Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); hệ thống giám sát an toàn thông tin các website của tỉnh; triển khai công tác kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh; tổ chức tập huấn và diễn tập thực chiến bảo đảm ATTT mạng, đồng thời đưa ra các cảnh báo, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các biện pháp phòng ngừa, khắc phục các nguy cơ, sự cố mất ATTT có thể xảy ra. Đồng thời thực hiện việc thí điểm triển khai giải pháp phòng chống mã độc tập trung của BKAV cho các cơ quan cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố với trên 3.500 máy trạm và 5 máy chủ được cài đặt. Đến nay, 100% máy trạm được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền.

Trong năm, Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai giám sát ATTT cho 4 website của tỉnh; thực hiện kiểm tra, đánh giá ATTT cho 18 hệ thống thông tin; tổ chức 01 đợt diễn tập thực chiến cấp tỉnh, 01 đợt tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức ATTT cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT và 01 đợt tập huấn chuyên sâu định kỳ cho thành viên đội ứng cứu sự cố mạng, máy tính của tỉnh. Bên cạnh đó, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Báo Bắc Kạn, Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Kạn, UBND các huyện, thành phố tuyên truyền về các kênh chính thức của doanh nghiệp viễn thông di động trong quá trình chuẩn hóa thông tin thuê bao.

Công an tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng, phát hành “Sổ tay phòng, chống tội phạm lừa đảo trên không gian mạng” để tuyên truyền đến 15.000 hộ gia đình trên địa bàn thành phố Bắc Kạn; đăng tải, chia sẻ 37 bài viết

về âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, tội phạm trên không gian mạng đến toàn thể người dân trên địa bàn tỉnh.

Qua theo dõi trong năm 2023, trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn không xảy ra sự cố lớn về ATTT, tuy nhiên qua rà soát của Công an tỉnh đã phát hiện 03 cơ quan, doanh nghiệp có 04 máy vi tính đồng bộ 53 tài khoản, mật khẩu đăng nhập (*trong đó có 15 tài khoản công vụ*) trên các trình duyệt; phát hiện 06 trang/cổng thông tin điện tử bị tin tặc xâm nhập; các đối tượng đã sử dụng quyền quản trị trang để thay đổi hoàn toàn giao diện trang chủ, đăng tải 34.777 bài viết với nội dung quảng cáo đánh bạc, khiêu dâm, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh, uy tín của cơ quan nhà nước.

b) Tồn tại, hạn chế: Việc xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ ATTT tại một số đơn vị, địa phương chưa được quan tâm chỉ đạo triển khai; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức thiếu kỹ năng và kiến thức trong việc bảo đảm ATTT trên mạng. Bên cạnh đó, tỉnh chưa có nhiều nhân lực được đào tạo chuyên sâu về ATTT mạng dẫn đến công tác tham mưu, triển khai các nhiệm vụ về ATTT còn có những hạn chế nhất định.

8. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

Trong năm 2023, tỉnh Bắc Kạn đã chỉ đạo, triển khai 42 nhiệm vụ/dự án nhằm hoàn thiện hệ thống hạ tầng, hệ thống thông tin/CSDL chuyên ngành, đảm bảo an toàn thông tin mạng của tỉnh. Đồng thời, tiếp tục duy trì hiệu quả các hệ thống đã đầu tư, triển khai trước đó như:

- Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc với 13.800 tài khoản người dùng. Tỷ lệ văn bản trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt tỉ lệ 90,9% (*trừ các văn bản mật*). Tổng số văn bản đến là 2.358.409 văn bản, tổng số văn bản đi là 701.782 văn bản, tổng số văn bản đi trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử là 638.250 văn bản đạt tỉ lệ 90,9% (*trừ các văn bản mật*), số còn lại được gửi đồng thời bản điện tử và bản giấy theo quy định.

- Hệ thống thư công vụ với 8.606 tài khoản được duy trì sử dụng. Năm 2023, hệ thống được tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thông tin, mức độ sử dụng đạt gần 85%.

- Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đã số hóa 100% danh mục thuộc chế độ báo cáo và biểu mẫu báo cáo theo quy định, đồng thời kết nối, đồng bộ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ.

- Ứng dụng Chữ ký số chuyên dùng tiếp tục được duy trì sử dụng. Bên cạnh việc sử dụng thiết bị ký số USB token, hiện nay, tỉnh đã cấp 287 Sim ký số di động, thường xuyên sử dụng trong ký văn bản điện tử, trong đó, năm 2023 cấp 23 Sim. Trong năm 2023, tỉnh Bắc Kạn đã đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ cấp chứng thư số chuyên dùng cho 502 giáo viên tại tất cả các trường học trên địa bàn 8 xã, phường thí điểm chuyển đổi số.

Năm 2023, tỉnh đã thực hiện hợp nhất Cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử để hình thành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Đồng thời, tỉnh duy trì, hoàn thiện và thúc đẩy việc kết nối hệ thống một cửa điện tử của tỉnh đến các hệ thống thông tin, CSDL các bộ, ngành Trung ương để kết nối đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, địa phương trong thực hiện giải quyết TTHC. Hệ thống có 136 đơn vị sử dụng, đạt tỷ lệ 100% các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã có TTHC. Đến nay, hệ thống tiếp nhận và xử lý 145.377 hồ sơ. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh như sau: Tỷ lệ cung cấp DVCTT toàn trình trên tổng số DVCTT đạt tỷ lệ 80,5%; Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT đạt 85,1%; Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia đạt 5,68%.

Các Trang, Cổng thông tin điện tử: 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố có trang/cổng thông tin điện tử hoạt động ổn định. Ngoài ra, nhiều trang tin chuyên ngành như: Trang thông tin về cải cách hành chính, chuyển đổi số, du lịch, chữ ký số chuyên dùng, phổ biến giáo dục pháp luật... cũng được quan tâm triển khai. Việc cung cấp thông tin trên các trang, cổng thông tin điện tử ngày càng kịp thời và đầy đủ hơn, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ minh bạch hóa thông tin, công khai hóa các quy trình giải quyết thủ tục hành chính công, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và công dân trong việc giải quyết các thủ tục hành chính. Hiện nay, 100% Cổng/trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố là thành phần của Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn, đáp ứng yêu cầu của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Cổng Thông tin điện tử tỉnh đã được chuyển đổi sang công nghệ IPv6 từ năm 2020, trong năm 2023 Cổng đã đăng tải trên 6.000 tin bài, tăng 5% so với năm 2022.

Hiện nay, các hệ thống thông tin chuyên ngành đang được các đơn vị duy trì sử dụng và thực hiện việc cập nhật bổ sung dữ liệu, điển hình như: Hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục tỉnh Bắc Kạn được triển khai tại 283/283 cơ sở giáo dục của tỉnh (các cơ sở dữ liệu được lấy tự động từ hệ thống phần mềm quản lý trường học đã giúp cho các cơ sở giáo dục thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục hoàn toàn trực tuyến, qua đó đã giảm bớt 70% thời gian cũng như chi phí thực hiện so với hình thức thủ công trước đây); Phần mềm hệ thống thông tin tiền lương (việc triển khai phần mềm này từ năm 2022 đã góp phần giúp các đơn vị cơ sở, cũng như cơ quan quản lý cấp trên nắm bắt các thông tin, dự toán được biến động về tiền lương, phụ cấp của công chức, viên chức và người lao động, đồng thời giúp cơ quan quản lý phân tích tiền lương theo từng hạng mục lương, theo từng đơn vị dự toán, theo từng địa bàn huyện, ngành, tổng hợp nguồn kinh phí cải cách tiền lương kịp thời theo chế độ quản lý của cơ quan cấp trên, từ đó nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính - ngân sách của tỉnh); Hệ thống thông tin đất đai (công tác quản lý đất

đai được xử lý trực tiếp trên phần mềm, như: truy vấn, khai thác dữ liệu đất đai; quản lý quy trình cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai; dịch vụ đăng ký đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai; các bản đồ hiện trạng sử dụng đất; bản đồ về quy hoạch sử dụng đất, bản đồ giá đất,..).

b) Tồn tại, hạn chế:

Một số cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số dẫn đến hoạt động chuyển đổi số trong chính quyền chưa được quan tâm, chỉ đạo thực hiện ảnh hưởng đến tiến độ và yêu cầu của nhiệm vụ; tỷ lệ hồ sơ phát sinh qua DVCTT, tỷ lệ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trên Cổng DVC Quốc gia còn thấp, chưa đạt tỷ lệ theo quy định.

Việc kết nối, chia sẻ và đưa vào khai thác sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có phạm vi từ Trung ương đến địa phương còn chậm, chưa khai thác sử dụng một cách đồng bộ, hiệu quả. Các hệ thống thông tin, CSDL của tỉnh cũng chưa được kết nối với nhau nhằm tạo thuận lợi cho người dùng trong việc chia sẻ, sử dụng lại thông tin, giảm bớt thao tác cho cán bộ, công chức, viên chức.

Hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về tiêu chí, cách xác định và đánh giá tính hiệu quả, quy mô, khối lượng của nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số nên việc xác định sự cần thiết, quy mô, khối lượng của các nhiệm vụ còn khó khăn. Bên cạnh đó, trong quá trình thẩm định các dự án, hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định, do chưa có hướng dẫn cụ thể nội dung thẩm định sự phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử và nhiều hệ thống các bộ, ngành Trung ương có kế hoạch triển khai nhưng chưa xác định rõ phạm vi, quy mô triển khai đến các địa phương nên khó khăn trong việc xác định quy mô nhiệm vụ của tỉnh...

9. Kinh tế số

a) Kết quả đạt được:

- Về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt:

+ Các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh đã triển khai đồng bộ, phát triển các sản phẩm thanh toán mới với công nghệ ngân hàng số, công nghệ định danh và nhận biết khách hàng điện tử (eKYC) như xác thực sinh trắc học (*vân tay, khuôn mặt*); thanh toán trên nền mã phản hồi nhanh (QR Code), mã hóa thông tin thẻ, thanh toán phi tiếp xúc... Trên địa bàn tỉnh có 36 máy ATM, 75 thiết bị POS được lắp đặt tại thành phố Bắc Kạn và khu vực trung tâm các huyện, trong đó có 01 máy giao dịch tự động CDM (Cash Deposit Machine) của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép khách hàng gửi tiền trực tuyến, rút tiền, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn. Hiện nay, hầu hết các ngân hàng đều đã sử dụng chức năng tích hợp thông tin cá nhân thông qua mã QR code trên căn cước công dân (CCCD) của khách hàng để đối chiếu thông tin CMND, họ và tên, địa chỉ cư

trú, ngày tháng năm sinh khi định danh khách hàng. Đồng thời sử dụng chức năng tích hợp thông tin cá nhân thông qua ứng dụng định danh điện tử quốc gia VneID mức 2 để đối chiếu thông tin nơi cư trú, thành viên khác trong hộ gia đình để thay thế cho sổ hộ khẩu. Theo thống kê, tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 20 - 25% tổng mức thanh toán.

+ Sở Y tế chỉ đạo Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Trung tâm Y tế các huyện, thành phố thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt. Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai việc thanh toán không dùng tiền mặt trong toàn ngành giáo dục. Đến nay toàn tỉnh đã có 84/283 cơ sở giáo dục mở tài khoản thanh toán trung gian tại các ngân hàng để thực hiện chi trả lương và các khoản phụ cấp, tiền công tác phí và các khoản chi thanh toán cho cá nhân.

+ BHXH tỉnh tích cực triển khai phương thức chi trả qua tài khoản cá nhân. Kết quả việc chi các chế độ cho người dân thông qua hình thức thanh toán trực tuyến qua tài khoản cá nhân: Chi nhận lương hưu và trợ cấp BHXH được 2.990/11.030 người, đạt 27%; chi bảo hiểm xã hội một lần được 3.721/4.666 người, đạt 80%; chi bảo hiểm thất nghiệp được 2.375/2.375 người, đạt 100%.

- Về hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử:

+ Sở Công Thương triển khai kế hoạch hỗ trợ nâng cao năng lực cho các thương nhân sản xuất kinh doanh và các thương nhân xuất khẩu tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử uy tín năm 2023⁷, trong đó lựa chọn 08 thương nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh có tiềm năng, phù hợp với mục tiêu phát triển thương mại điện tử của tỉnh và đáp ứng các tiêu chí, ưu tiên sản phẩm của các xã trong lộ trình hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 và các sản phẩm OCOP của tỉnh tham gia các sàn thương mại điện tử trong nước là <https://shopee.vn> và <https://backanmarket.vn>. Qua thống kê, hiện có 104.933 hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản trên sàn thương mại điện tử; 91.881 hộ được đào tạo kỹ năng số; 973 sản phẩm được đưa lên sàn thương mại điện tử; 27.176 giao dịch trên sàn thương mại điện tử, đạt tỷ lệ 26% tổng số giao dịch/tổng số tài khoản được tạo trên sàn thương mại điện tử <https://voso.vn> và <https://postmart.vn>. Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart 5.386 giao dịch.

- Về hỗ trợ tư vấn chuyển đổi số trong doanh nghiệp:

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai các giải pháp hỗ trợ công nghệ và hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; tham mưu cho UBND tỉnh hỗ trợ hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa 500 triệu đồng; hỗ trợ 01 tỷ đồng đối với hợp đồng dịch vụ tư vấn về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên.

⁷ Kế hoạch số 31/KH-SCT ngày 27/02/2023.

Trong năm 2023, việc hỗ trợ chủ yếu tập trung vào 02 hạng mục: Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ tư vấn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết, chuỗi giá trị. Hiện nay, đã có 05 doanh nghiệp đăng ký tham gia chương trình.

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai mô hình hỗ trợ chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh: Đến nay, đã tiến hành lắp đặt và hoàn thiện thiết bị (*quạt đối lưu; tủ điều khiển trung tâm, hệ thống đèn chiếu sáng và giả lập ánh sáng mặt trời; bộ cảm biến đo độ ẩm, nhiệt độ, dinh dưỡng...*) cho 02 hợp tác xã (HTX) được lựa chọn và tổ chức Hội thảo tổng kết mô hình. Qua đánh giá, mô hình đã giúp HTX nâng cao chất lượng, sản lượng sản phẩm nông nghiệp, góp phần bảo vệ môi trường, hiện đại hóa nông thôn, mang lại thu nhập ổn định.

- Về sử dụng hóa đơn điện tử: Cục Thuế tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền bằng nhiều giải pháp tích cực trong triển khai và vận động người nộp thuế tham gia hệ thống hóa đơn điện tử (HDDT) khởi tạo từ máy tính tiền, cũng như những lợi ích của HDDT khởi tạo từ máy tính tiền mang lại. Đến nay đã có 368 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng hóa đơn điện tử.

b) Tồn tại, hạn chế: Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực y tế còn đạt thấp (*từ 20-25% tổng thanh toán*); các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp xây dựng cơ bản nên chưa quan tâm nhiều đến hoạt động chuyển đổi số. Nhiều doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến chuyển đổi số, mức độ áp dụng một cách bài bản, đồng bộ các giải pháp chuyển đổi số chưa cao.

10. Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Tính đến ngày 10/12/2023 toàn tỉnh thu nhận 299.203 lượt hồ sơ cấp CCCD; đã tiếp nhận 280.852 thẻ CCCD từ Cục C06, trả cho công dân sử dụng: 280.676 thẻ. Tổng số hồ sơ định danh điện tử 178.495 (*mức độ 1: 50.453, mức độ 2: 128.042*); thực hiện kích hoạt 159.265 tài khoản định danh điện tử (*gồm mức độ 1 và mức độ 2*) của công dân cư trú trên địa bàn tỉnh.

- 98% hồ sơ sức khỏe của người dân trên địa bàn tỉnh đã được khởi tạo trên hệ thống phần mềm hồ sơ sức khỏe toàn dân. Hiện nay dữ liệu sức khỏe đã được đồng bộ cập nhật từ các phần mềm vào hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử, đồng thời dữ liệu này được liên tục được cập nhật khi người dân phát sinh việc khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế. Ngành Y tế đã cung cấp dịch vụ cho người dân có thể tự theo dõi, quản lý, kiểm tra sức khỏe của bản thân tại địa chỉ <https://ssk.kcb.vn/> và tại app sổ sức khỏe trên điện thoại di động.

- Trong năm 2023, VNPT Bắc Kạn đã mở miễn phí chức năng xem kết quả học tập trên Sổ liên lạc điện tử VNEDU teacher và Edu connect cho phụ huynh tại 8 xã, phường tham gia chương trình thí điểm chuyển đổi số. Hiện nay toàn tỉnh có 63.311 người dân đăng ký, sử dụng VssID.

- Tuyên truyền, vận động người tham gia BHXH, BHYT cài đặt, sử dụng ứng dụng BHXH số - VssID trên địa bàn tỉnh, đến giữa tháng 12/2023, đạt 63.311 người dân đăng ký, sử dụng.

b) Tồn tại, hạn chế: Kỹ năng số của người dân, nhất là người dân sinh sống ở khu vực vùng sâu, vùng xa còn hạn chế; số lượng người dùng các nền tảng số phục vụ đào tạo, học tập trực tuyến còn thấp; người dân chưa thực sự quan tâm đến việc tự đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

11. Kinh phí thực hiện

Trong năm 2023, tỉnh Bắc Kạn đã bố trí **67.766** triệu đồng từ nguồn kinh phí sự nghiệp và **20.498** triệu từ nguồn vốn đầu tư công để chi cho hoạt động chuyển đổi số. Bên cạnh đó, các đơn vị, địa phương đã chủ động bố trí nguồn kinh phí thường xuyên và nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan để lồng ghép triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số như: Duy trì hoạt động của các trang/cổng TTĐT; mua phần mềm diệt virus; tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức; thiết lập điểm truy cập CNTT...

(Kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2023 chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)

Phần II

KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Nghị quyết số 428-NQ/BCSD ngày 22/9/2022 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh Bắc Kạn về thúc đẩy hoạt động phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021- 2025;

- Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về đào tạo, bồi dưỡng ATTT cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 07/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Đề án đảm bảo hạ tầng ngành thông tin và truyền thông tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

- Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 -2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng dùng chung (*bao gồm: Hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng, phần mềm dùng chung, an toàn thông tin*) để đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu của các đơn vị, địa phương trong tỉnh và kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với các Bộ ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố trong cả nước.

- Phát triển dữ liệu số; nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động du lịch; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; chuyển đổi nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và từng bước hình thành công dân số, xã hội số của tỉnh gắn với công tác đảm bảo an toàn thông tin trong chuyển đổi số.

- Năm 2024, tỉnh tập trung ưu tiên các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ người dân, doanh nghiệp; phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến; hoạt động cải cách hành chính; hạ tầng dùng chung, an toàn thông tin và Đề án 06 (*Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030*) trên địa bàn tỉnh; các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số chuyển tiếp từ năm 2023; các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của các ngành, lĩnh vực.

2. Mục tiêu cụ thể: Tại phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Chuyển đổi số trong nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về chuyển đổi số. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai hoạt động chuyển đổi số; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; lấy kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số làm tiêu chí để đánh giá xếp loại công chức, viên chức và bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số để tiếp tục nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác, chất lượng đời sống nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong triển khai thực hiện; chú trọng việc chia sẻ các cách làm hay trong chuyển đổi số tại các Bộ ngành, địa phương khác và trong tỉnh để áp dụng khi phù hợp; phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công của tỉnh.

- Thúc đẩy các hoạt động đào tạo, tập huấn, tận dụng tối đa nền tảng học trực tuyến đại trà để nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp.

2. Thể chế, chính sách

- Nghiên cứu, ban hành quy định về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân

sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; quy định về tính pháp lý của dữ liệu số, số hóa dữ liệu và quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của CSDL tỉnh Bắc Kạn.

- Tham mưu cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh theo lộ trình, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Nghiên cứu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh đồng hành cùng chính quyền các cấp trong công cuộc chuyển đổi số; huy động nguồn lực doanh nghiệp thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số CNTT trên địa bàn tỉnh phát triển.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, viễn thông; khuyến khích, sẵn sàng thử nghiệm các ứng dụng CNTT, các mô hình quản lý, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai cung cấp dữ liệu mở lần đầu của các ngành, lĩnh vực phục vụ các ngành, lĩnh vực khác, các doanh nghiệp để đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội.

3. Hoàn thiện đảm bảo hạ tầng số

- Tiếp tục triển khai các hệ thống đảm bảo hạ tầng chung của tỉnh như: Mạng diện rộng (WAN) trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh; xây dựng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Bắc Kạn; trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); dịch vụ thu thập, phân tích và quản trị đảm bảo an toàn thông tin; hệ thống điều khiển trung tâm hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh (MCU)...

- Tiếp tục vận động, triển khai chương trình phổ cập điện thoại thông minh cho người dân để tiến tới mục tiêu: Mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng.

- Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông nghiên cứu, triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng đường truyền, dịch vụ mạng; từng bước phủ sóng, giảm tình trạng lùm sóng, sóng không ổn định nhất là tại khu vực vùng sâu, vùng xa.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp trung tâm dữ liệu; tăng cường việc cài đặt các hệ thống thông tin, CSDL của tỉnh tại trung tâm tích hợp dữ liệu nhằm khai thác hiệu quả các hệ thống đã đầu tư.

4. Nền tảng số

- Hoàn thành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và thực hiện kết nối các hệ thống thông tin, CSDL của tỉnh qua LGSP với lộ trình, mục tiêu cụ thể đảm bảo kết nối liên thông với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống khác.

- Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống thông tin theo hướng nền tảng: Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo (*thuộc nhiệm vụ triển khai nền tảng hệ sinh thái giáo dục thông minh*); thuê nền tảng dùng chung ngành Nội vụ; đầu tư xây dựng nền tảng tòa soạn số tại Báo Bắc Kạn; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch...

- Nghiên cứu, triển khai ứng dụng các nền tảng số quốc gia do các Bộ ngành triển khai theo Quyết định số 2294/QĐ-BTTTT ngày 21/11/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về sửa đổi, bổ sung Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số tại Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022.

5. Dữ liệu số

- Thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, CSDL có phạm vi triển khai từ Trung ương đến địa phương; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL do tỉnh triển khai nhằm khai thác hiệu quả dữ liệu, đồng thời, hình thành nên các CSDL lớn, chính xác phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành các cấp.

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện các CSDL chuyên ngành theo nhu cầu như: Cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới; số hóa tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Bắc Kạn; cơ sở dữ liệu ngành Y tế;...

- Tổ chức triển khai cung cấp dữ liệu mở lần đầu của các ngành, lĩnh vực phục vụ các ngành, lĩnh vực khác, các doanh nghiệp để đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Đảm bảo an toàn thông tin mạng

- Hoàn thiện triển khai, nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp; triển khai Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) và kết nối với Trung tâm giám sát an ninh mạng quốc gia (NCSC) do Bộ Thông tin và Truyền thông vận hành. Tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm ATTT mạng theo quy định.

- Tiếp tục thúc đẩy việc xây dựng và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ cho 100% hệ thống thông tin của tỉnh đảm bảo hoàn thành trước ngày 30/6/2024; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt, xong trước ngày 30/11/2024.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ an toàn thông tin theo quy định (tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1, 2; tối thiểu 1 lần/1 năm cho hệ thống cấp độ 3, 4). Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện hiệu quả nhiệm vụ Thuê kiểm tra, đánh giá định kỳ ATTT; giám sát an toàn hệ thống thông tin cho các hệ thống thông tin của tỉnh Bắc Kạn.

- Duy trì và đảm bảo các trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

7. Chính quyền số

- Nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến: Ưu tiên thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, nhiều người dùng; đánh giá và mở rộng các mô hình giải quyết TTHC không giấy tờ, không thanh toán tiền mặt.

- Tiếp tục hoàn thiện chức năng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, công khai theo thời gian thực các số liệu liên quan đến cung cấp, sử dụng DVCTT, đảm bảo kết nối, đồng bộ dữ liệu chính xác với các hệ thống giám sát của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát, quản lý thông qua việc theo dõi, đánh giá dữ liệu từ các hệ thống thông tin, CSDL đã triển khai.

8. Kinh tế số

- Thúc đẩy, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tham gia hoạt động trên địa bàn tỉnh; việc mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở theo quy định cho các doanh nghiệp có nhu cầu được khai thác, sử dụng.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên theo Quyết định số 676/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương.

9. Xã hội số

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thanh niên trong tuyên truyền, hỗ trợ người dân sử dụng các ứng dụng số cơ bản, thiết thực hiện nay như: Thúc đẩy người dân thiết lập tài khoản VneID, đặc biệt là định danh điện tử mức độ 2; cài đặt tài khoản DVCTT và tài khoản thanh toán trực tuyến...

- Tiếp tục phối hợp với các đoàn thể triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao kỹ năng số cho người dân.

- Tiếp tục thu hút sự tham gia đồng bộ của các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, ngân hàng vào các hoạt động triển khai các ứng dụng số thiết thực, phù hợp cho người dân.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2024 chi từ nguồn kinh phí trung ương, nguồn sự nghiệp ngân sách tỉnh và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Tổng kinh phí thực hiện dự kiến khoảng: 83.975 triệu đồng (*chiếm tỷ lệ 1,56% tổng chi cân đối ngân sách địa phương*), trong đó:

- Chi cho các nhiệm vụ/dự án chuyển đổi số (*theo phụ lục 3 kèm theo Kế hoạch này*): 78.892 triệu đồng, bao gồm:

- + Ngân sách tỉnh là 52.692 triệu đồng (*chi cho 25 nhiệm vụ chuyển tiếp; 02 nhiệm vụ: Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Kạn, đảm bảo an toàn thông tin mạng và số hoá tài liệu giai đoạn 2021-2025 và Đầu tư hệ thống phục vụ công tác số hóa Hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân*).

- + Ngân sách trung ương là 26.200 triệu đồng (*chi cho dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin nền tảng phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025 và hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ*).

- Chi hoạt động duy trì thường xuyên khác khoảng 5.083 triệu đồng (*gồm: Đảm bảo hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh; mua sắm giấy phép bảo hành và dịch vụ kỹ thuật các thiết bị mạng, bảo mật và lưu trữ của Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh; sản xuất các sản phẩm truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn, duy trì hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh...*)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh

Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong việc tham mưu, chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch; nghiên cứu, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của tỉnh hướng tới chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch và hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố

2.1. Trách nhiệm chung:

- Khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống, CSDL của Trung ương và của tỉnh đã đầu tư, triển khai, trước hết trong việc đơn giản hóa hồ sơ, quy trình giải quyết TTHC; đảm bảo duy trì dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống” cho các hệ thống được giao quản lý, vận hành; chủ động đề xuất kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan, không thu thập lại các dữ liệu đã được các hệ thống khác cung cấp. Đồng thời thực hiện việc cung cấp dữ liệu mở theo Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Nâng cao hơn nữa chất lượng lập hồ sơ các nhiệm vụ/dự án chuyển đổi số (*báo cáo kinh tế kỹ thuật/Đề cương và dự toán chi tiết, kế hoạch thuê dịch vụ*); chủ động xin ý kiến của Bộ/ngành chủ quản để phù hợp định hướng của Bộ/ngành, đảm bảo tính liên thông chia sẻ dữ liệu, tránh trùng lặp, lãng phí (*nếu cần thiết*); chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung thực hiện, đảm bảo hiệu quả, phù hợp thực tiễn của đơn vị, địa phương. Quá trình lập hồ sơ các nhiệm vụ/dự án chuyển đổi số cần xem xét đến tính tổng thể trong hệ thống của toàn ngành, trong đó phải xác định hệ thống lõi, hệ thống triển khai sau phải được phát triển từ hệ thống lõi và kế thừa, tận dụng, phát triển các hệ thống khác cho phù hợp, tránh tình trạng xây dựng độc lập các hệ thống khác nhau, phục vụ từng nghiệp vụ riêng lẻ, gây khó khăn, phức tạp cho người sử dụng và công tác quản lý, tổng hợp, thống kê dữ liệu ngành.

- Sau khi hồ sơ nhiệm vụ/dự án chuyển đổi số được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cần tiếp tục rà soát lại sự cần thiết, quy mô, phạm vi của các nhiệm vụ; chịu trách nhiệm thiết kế hệ thống phù hợp mục tiêu và nhu cầu sử dụng, theo định hướng của Bộ/ngành, xu hướng công nghệ hiện đại, đảm bảo tính nền tảng, kết nối, liên thông chia sẻ dữ liệu với các hệ thống liên quan. Trong trường hợp cần thiết,

đề xuất thay đổi, giảm quy mô hoặc dừng thực hiện (kể cả các nhiệm vụ chuyên tiếp) để đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí ngân sách.

- Thực hiện các nhiệm vụ/dự án chuyển đổi số phải đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục đấu thầu các dự án ứng dụng CNTT, chuyển đổi số theo quy định hiện hành.

- Chủ động phối hợp với các đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, dự án, chương trình, kế hoạch liên quan đến hoạt động chuyển đổi số thuộc ngành/lĩnh vực quản lý.

- Các sở, ngành tỉnh bám sát định hướng, lộ trình, tiến độ triển khai của các Bộ ngành chủ quản đối với các CSDL quốc gia, các nền tảng số quốc gia để đảm bảo kết nối liên thông và ứng dụng trên địa bàn tỉnh một cách đồng bộ, hiệu quả, tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí ngân sách tỉnh.

- Tổ chức đánh giá hiệu quả của các hệ thống thông tin, CSDL đã đưa vào sử dụng để Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh khi được yêu cầu.

- Định kỳ trước ngày 15 tháng cuối quý, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông (*cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh*) về tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số được giao để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

2.2. Trách nhiệm cụ thể của các đơn vị, địa phương:

2.2.1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ động theo dõi, đề xuất dừng/tạm dừng các nhiệm vụ không còn phù hợp, hiệu quả thấp; tiếp tục nghiên cứu, tham mưu đề xuất xây dựng chiến lược dữ liệu, xây dựng nền tảng dùng chung bảo đảm tính liên thông của tất cả các ngành, lĩnh vực và bảo đảm liên thông quốc gia.

- Chủ động phối hợp, hướng dẫn, tư vấn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, địa phương được giao tại Kế hoạch; kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, địa phương, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

- Thẩm định các dự án đầu tư ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của các đơn vị, địa phương theo quy định, đảm bảo tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, phù hợp với Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn và các quy định hiện hành, tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí ngân sách. Đối với các nhiệm vụ, dự án phức tạp chủ động tham mưu đề xuất UBND tỉnh thành lập hội đồng thẩm định để nâng cao hiệu quả, chất lượng và đảm bảo tiến độ thẩm định.

- Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan đánh giá hiệu quả của các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số đã triển khai. Định kỳ trước ngày

25 tháng cuối quý tham mưu cho Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quy định về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với thực tiễn.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc trình UBND tỉnh xem xét, phân bổ kinh phí triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số theo Kế hoạch này.

2.2.2. Văn phòng UBND tỉnh: Hướng dẫn các sở, ban, ngành thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC, trong đó tập trung vào việc đơn giản hoá TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm.

2.2.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, bố trí vốn đầu tư công thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số theo quy định.

2.2.4. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, tham mưu bố trí kinh phí sự nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số đảm bảo tiến độ theo quy định.

- Thẩm định dự toán các hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo quy định.

2.2.5. Sở Nội vụ:

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông: Đảm bảo nội dung về hiện đại hóa hành chính và các hoạt động cải cách hành chính của tỉnh; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục tham mưu, triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh về phát động phong trào thi đua “Bắc Kạn đẩy mạnh chương trình chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025” nhằm kịp thời tuyên dương, động viên các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công tác chuyển đổi số của tỉnh.

2.2.6. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; nghiên cứu, lựa chọn, đưa vào áp dụng thử nghiệm các giải pháp mới về Công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, sản xuất và đời sống.

- Tham mưu bố trí nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ để thực hiện các đề tài, dự án ứng dụng công nghệ cao trong chuyển đổi số.

2.2.7. Công an tỉnh:

- Thực hiện việc quản lý, vận hành, cập nhật hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định; đảm bảo hoạt động an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình kết nối các Hệ thống của tỉnh với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Cấp căn cước công dân, hướng dẫn đăng ký, sử dụng ứng dụng định danh và xác thực điện tử và các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 của Chính phủ.

2.2.8. *Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh*: Thực hiện việc tổng hợp, thống kê và cung cấp các báo cáo, số liệu về các chỉ số chuyển đổi số của tỉnh liên quan đến ngành phụ trách tổng hợp đảm bảo kịp thời và đầy đủ.

2.2.9. UBND các huyện, thành phố:

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của địa phương đảm bảo phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương.

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành, phục vụ đời sống kinh tế - xã hội, đảm bảo mục tiêu tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng; triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý, điều hành như quản lý thông tin nhân khẩu, hộ gia đình trên địa bàn, quản lý các chính sách an sinh xã hội, xây dựng kênh trao đổi, tương tác trực tuyến giữa chính quyền cấp xã và nhân dân, bản tin điện tử của UBND xã qua ứng dụng trên điện thoại thông minh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân và cán bộ cấp xã về chính quyền số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể tỉnh

- Phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ đoàn viên/hội viên và nhân dân nâng cao nhận thức, kỹ năng số và khai thác các ứng dụng số phù hợp, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Đề nghị Tỉnh đoàn Bắc Kạn quan tâm phối hợp thúc đẩy triển khai các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ chuyển đổi số; phát huy hiệu quả vai trò của lực lượng đoàn viên thanh niên nòng cốt đã tập huấn năm 2023.

4. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng viễn thông 4G, hướng đến phát triển mạng viễn thông 5G, thực hiện kết nối số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng, bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội phát triển theo cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2024. Yêu cầu Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố

và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đúng quy định, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Các doanh nghiệp BCVT;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP;
- Lưu: VT, Văn, Huyền, Nhung

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình

**Phụ lục 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU
CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số 883/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu (%)	Kết quả năm 2023	Ghi chú
I	Chính quyền số			
1	Tỷ lệ cung cấp DVCTT	80	77,8%	- DVCTT toàn trình: 1.114. - DVCTT một phần: 263. - Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến: 394.
2	Tỷ lệ cung cấp DVCTT toàn trình	80	80,90%	1.114/1.377
3	Tỷ lệ cung cấp DVCTT 1 phần		19,4%	269/1.386
4	Tỷ lệ TTHC của tỉnh thực hiện qua DVCTT toàn trình được tích hợp với Cổng DVCQG	70	100%	1.114/1.114
5	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh của các TTHC đã được cung cấp DVCTT toàn trình được “tiếp nhận” trực tuyến	100	96,8%	42.898/44.376 = 96,8%
6	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh của các TTHC đã được cung cấp DVCTT 1 phần cho phép nộp trực tuyến được “tiếp nhận” trực tuyến	50	68,6%	21.335/31.102=68.6%
7	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT		85,1%	64.233/75.478 =85,1%
8	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến trên tổng số hồ sơ TTHC phát sinh trong năm		44,2%	Số liệu trên Cổng DVC của tỉnh: 64.233/145.377=44,2%
9	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến trên tổng số hồ sơ TTHC phát sinh trong năm		31,2%	Số liệu theo Cổng DVCQG
10	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên Cổng DVCQG	60	30,89%	TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên Cổng DVCQG: 232 TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính: 751
11	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh của các TTHC có quy định phí, lệ phí phải được thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG	50	5,68%	Hồ sơ phát sinh của các TTHC có quy định phí, lệ phí được thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG: 2.987. Hồ sơ phát sinh của các TTHC có quy định phí, lệ phí: 52.599
12	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	100	100%	Số liệu theo báo cáo của các đơn vị, địa phương
13	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	>10		Chưa có số liệu
II	Phát triển kinh tế số:			

STT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu (%)	Kết quả năm 2023	Ghi chú
14	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	>10		Chưa đến kỳ đánh giá
15	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	>8,5		Chưa đến kỳ đánh giá (số liệu do Cục Thương mại điện tử, Bộ Công Thương thống kê)
III	Phát triển xã hội số:			
16	Tỷ lệ hộ gia đình có đường truyền Internet cáp quang băng rộng	75	75%	Số hộ gia đình sử dụng mạng băng rộng cáp quang/Tổng số hộ gia đình trên địa bàn
17	Tỷ lệ thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh	>80%	84,1%	Tỷ lệ người dùng smartphone/người dùng điện thoại di động
18	Tỷ lệ phủ sóng băng rộng di động tới thôn/bản trên địa bàn tỉnh	100	96%	
19	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các hình thức được phép khác	55	98,7%	Số lượng: 237.700 (số liệu này không loại trừ được sự trùng lặp, do một người có thể mở tài khoản tại nhiều đơn vị cung ứng dịch vụ thanh toán)
20	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử	30	55,80%	
21	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa	30	10%	
22	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử	>80	98%	
IV	An toàn thông tin:			
23	Tỷ lệ các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được đánh giá an toàn thông tin và gắn nhãn tín nhiệm mạng	100	100%	
24	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn HTTT	>80	80%	
25	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo vệ an toàn thông tin mạng theo cấp độ	>30	100%	
V	Dữ liệu số:			
26	Hoàn thành xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Hoàn thành	Đang thực hiện	
27	Ban hành danh mục dữ liệu mở của tỉnh	Có	Đã ban hành	
28	Tỷ lệ các sở, ban, ngành tỉnh ban hành kế hoạch, cung cấp dữ liệu mở	100	0%	

**Phụ lục 2: CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
TỈNH BẮC KẠN NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số 883/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Chính quyền số		
1.1	Tỷ lệ cung cấp DVCTT được cung cấp thành DVCTT toàn trình	$\geq 80\%$	Số lượng DVCTT toàn trình/Tổng số DVCTT
1.2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	90%	Số lượng DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số DVCTT phát sinh hồ sơ
1.3	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT	100%	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT
	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT	80%	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT
1.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ	30%	Số lượng DVCTT được thiết kế, thiết kế lại/Số lượng DVCTT
1.5	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	80%	Số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số/Tổng số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh
1.6	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật (<i>cấp tỉnh, huyện, xã</i>)	100%	Số lượng văn bản gửi đi được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng/Tổng số văn bản đi của đơn vị (<i>trừ văn bản mật</i>)
1.7	Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện trên Hệ thống báo cáo của tỉnh và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm điều hành thông minh	100%	
1.8	Tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	20%	
1.9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	80%	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, UBND các cấp được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản/Tổng số cán

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số	Chỉ tiêu	Ghi chú
			bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, UBND các cấp của tỉnh
1.10	Tỷ lệ cuộc họp của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể (trừ các cuộc họp mật) được tổ chức trực tuyến	80%	
2	Kinh tế số		
2.1	Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP	11%	
2.2	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	5%	
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	>30%	
3	Xã hội số		
3.1	Tỷ lệ phủ của hạ tầng mạng băng rộng cáp quang tại các hộ gia đình	76%	Số hộ gia đình sử dụng mạng băng rộng cáp quang/Tổng số hộ gia đình trên địa bàn
3.2	Tỷ lệ thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh	85%	Tỷ lệ người dùng smartphone/người dùng điện thoại di động
3.3	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử	60%	
3.4	Tỷ lệ người dân có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân	98%	
3.5	Tỷ lệ bệnh viện, trung tâm y tế công triển khai hồ sơ bệnh án điện tử	20%	
3.6	Tỷ lệ học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân	90%	
4	Đảm bảo An toàn thông tin mạng		
4.1	Tỷ lệ các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được đánh giá an toàn thông tin và gán nhãn tín nhiệm mạng	100%	
4.2	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	100%	
5	Các chỉ tiêu của tỉnh		
	Chỉ số chuyển đổi số DTI cấp tỉnh	Tăng từ 2 đến 3 bậc	

Phụ lục 3: DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số 883/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí giai đoạn 2022-2025	Kinh phí năm 2024
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2023 (25 nhiệm vụ) từ nguồn ngân sách tỉnh			158.884	52.492
1	Triển khai mạng diện rộng (WAN) trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng tỉnh	Thuê	Sở TT&TT	3.713	746
2	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Đầu tư	Sở TT&TT	7.000	4.000
3	Thuê phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở TT&TT	5.800	1.500
4	Triển khai Trung tâm giám sát và điều hành an toàn thông tin mạng (SOC)	Thuê	Sở TT&TT	7.500	2.500
5	Hợp nhất Cổng dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Thuê	Sở TT&TT	6.000	1.300
6	Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT phần mềm quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ	Thuê	Sở TT&TT	5.605	847
7	Triển khai hệ thống Wifi công cộng trên địa bàn tỉnh	Thuê	Sở TT&TT	4.920	1.640
8	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT) đối với hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã	Thuê	Sở TT&TT	2.409	410
9	Hệ thống điều khiển trung tâm hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh (MCU)	Đầu tư	Sở TT&TT	6.800	6.800
10	Thuê kiểm tra, đánh giá định kỳ ATTT; giám sát an toàn hệ thống thông tin cho các hệ thống thông tin của tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở TT&TT	1.100	1.100

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí giai đoạn 2022-2025	Kinh phí năm 2024
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư	Sở TN&MT	40.512	10.000
12	Duy trì thuê hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục	Thuê	Sở GD&ĐT	3.178	990
13	Triển khai nền tảng hệ sinh thái giáo dục thông minh (giai đoạn 1)	Thuê	Sở GD&ĐT	9.600	3.200
14	Thuê nền tảng dùng chung ngành Nội vụ	Thuê	Sở Nội vụ	4.000	2.000
15	Xây dựng CSDL ngành Lao động, Thương binh Xã hội (giai đoạn 1)	Đầu tư	Sở LĐ,TB&XH	2.985	144
16	Phần mềm hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư	Sở Tài chính	4.500	2.000
17	Đầu tư xây dựng nền tảng tòa soạn số	Đầu tư	Báo Bắc Kạn	3.191	1.911
18	Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở VH,TT&DL	2.987	831
19	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch	Đầu tư	Sở VH,TT&DL	9.600	3.000
20	Quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Kạn (bao gồm thuê phần mềm nền tảng phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT quản lý, phân tích dữ liệu giám sát vệ tinh, đồng bộ CSDL quy hoạch lên cổng thông tin điện tử và phần mềm một cửa)	Thuê	Sở Xây dựng	1.198	648
21	Hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu công bố thông tin quy hoạch đồng bộ với cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng	Đầu tư	Sở Xây dựng	1.325	725
22	Triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở Y tế	4.000	2.600
23		Thuê	Sở Y tế	1.800	1.200

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí giai đoạn 2022-2025	Kinh phí năm 2024
	Triển khai Hồ sơ Bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông				
24	Xây dựng kho cơ sở dữ liệu về Y tế (data lake)	Đầu tư	Sở Y tế	2.000	1.400
25	Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC), Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn, Hệ thống tiếp nhận và phân tích ý kiến người dân tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Văn phòng UBND tỉnh	17.160	1.000
II	Nhiệm vụ từ nguồn ngân sách trung ương, nguồn đầu tư công (04 nhiệm vụ)			51.500	26.400
1	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (nguồn NSTW)	Đầu tư	Sở KH&ĐT	6.000	1.200
2	Dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin nền tảng phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025	Đầu tư	Sở TT&TT	45.500	25.000
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Kạn, đảm bảo an toàn thông tin mạng và số hoá tài liệu giai đoạn 2021-2025	Đầu tư	Văn phòng Tỉnh ủy	7.943	100
4	Đầu tư hệ thống phục vụ công tác số hóa Hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân	Đầu tư	Công an tỉnh	3.000	100
	TỔNG CỘNG			210.384	78.892